

Bản án số: 400/2025/HC-PT
Ngày: 10 - 4 - 2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Trần Ngọc Tuấn

Ông Dương Anh Văn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1194/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 288/2024/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số D đường số A, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Mai Trung Đ - Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Hoàng Văn H - Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt).

2. Ông Trương Văn T1 - Phó trưởng Phòng Tiếp dân TTVD & GQKNTC thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 18/9/2023 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Bà T quản lý, sử dụng nhà và đất có diện tích 289,3m² (trong đó có 30m² đất lộ giới, phần đất còn lại không thuộc lộ giới là 259,3m²) thuộc một phần thửa đất số 01 và đường, tờ bản đồ số 59, một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60 (theo tài liệu 2003) tọa lạc tại địa chỉ đường số A, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong Dự án đầu tư xây dựng đường H.

Ngày 12/12/2022, Ủy ban nhân dân Thành phố T ban hành Quyết định số 10916/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 19/PABT-HĐBT-LB ngày 12/12/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Nguyễn Thị Thu T để thực hiện dự án Dự án đầu tư xây dựng đường H. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà T với tổng số tiền là 102.782.668 đồng và không bố trí tái định cư.

Ủy ban nhân dân Thành phố T giải quyết bồi thường không đúng quy định pháp luật, vì: Phần đất này, có nguồn gốc đất do cha mẹ bà T là ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị N khai hoang, sử dụng trước năm 1975 cho đến năm 1978 tặng cho lại bà T sử dụng. Từ năm 1990, bà T bắt đầu xây dựng các căn nhà và đều thông báo Trưởng ấp G.

Toàn bộ diện tích đất 259,3m² và nhà được bà T quản lý, sử dụng ổn định và liên tục từ trước ngày 15/10/1993 đến nay, không lần chiếm đất của ai và cũng không bị ai tranh chấp, khiếu nại, không bị bất cứ cơ quan nào thông báo hoặc xử lý về việc lần chiếm đất giao thông do Nhà nước quản lý hoặc xử phạt xây dựng nhà, gia đình bà T cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế hàng năm. Như vậy, toàn bộ diện tích đất và nhà gắn liền trên đất được bà T tạo lập, sử dụng hợp pháp với mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993 và trước thời điểm quy hoạch dự án đầu tư xây dựng đường H, theo quy định pháp luật thì đất của bà T đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Đồng thời, theo quy định

Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BTNMT ngày 04/5/2021, nhà đất của bà T đủ điều kiện được bồi thường 100% về diện tích đất 255,3m² theo đơn giá đất ở, 100% toàn bộ diện tích nhà, vật kiến trúc trên đất và một suất tái định cư.

Với những lý do nêu trên, bà Nguyễn Thị Thu T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 10916/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Nguyễn Thị Thu T trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với Xa lộ H) tại các phường T, L, L, Thành phố T.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thu T đủ 100% diện tích bị thu hồi 255,3m² thuộc một phần thửa đất số 01 và đường, tờ bản đồ số 59, một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60 (theo tài liệu 2003) tọa lạc tại địa chỉ đường số A, khu phố G, phường L, thành phố T, theo đơn giá đất ở của giá thị trường hiện nay.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thu T đủ 100% đối với toàn bộ diện tích nhà và vật kiến trúc gắn liền trên đất bị thu hồi nêu trên theo giá quy định và bố trí suất tái định cư theo quy định.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T có ý kiến trình bày tại Văn bản số 4339/UBND-BBT ngày 23/5/2024:

1. Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Hộ bà Nguyễn Thị Thu T có phần đất diện tích 276,3m² và tài sản khác đang sử dụng bị ảnh hưởng trong ranh giải tỏa thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe M mới đến nút giao với xa lộ H) Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 3891/QĐ-SGTVT ngày 26/9/2014 của Sở Giao thông Vận tải Thành phố H.

Ngày 28 tháng 02 năm 2017, Tổ công tác đã tiến hành kiểm kê nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất đối với hộ bà Nguyễn Thị Thu T.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí nhà, đất (Hợp đồng số 415/HĐ-ĐBĐ/2017 ngày 29/5/2017) do Trung tâm tư vấn và thẩm định trắc địa bản đồ lập ngày 07/6/2017 đã được Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ1 kiểm tra và ký xác nhận số 9049/CN.VPĐKĐĐ ngày 05/7/2017.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, Ủy ban nhân dân phường L ban hành Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 293/UBND (*Trích biên bản họp xét nguồn gốc ngày 27/7/2017*) như sau:

- Phần diện tích đất $13,1m^2$ thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 59 (theo tài liệu đo đạc năm 2003) do ông Nguyễn Văn T2 khai hoang sử dụng từ năm 1976, đến năm 1990 để lại cho con là Nguyễn Thị Thu T sử dụng cho đến nay.

- Phần diện tích $229,2m^2$ thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60 (theo tài liệu đo đạc năm 2003) có nguồn gốc là đất đường giao thông do Nhà nước trực tiếp quản lý, bà Nguyễn Thị Thu T chiếm dụng sử dụng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004.

- Phần diện tích đường $4,3m^2$ (tờ bản đồ số 59) và $29,7m^2$ (tờ bản đồ số 60), bà T chiếm dụng sau ngày 01/7/2004.

- Thời điểm xây dựng: một phần vật kiến trúc được xây dựng sau ngày 15/10/1993, trước ngày 01/7/2004 (được thể hiện trên tài liệu 2003), một phần xây dựng sau ngày 01/7/2004, trước ngày 01/7/2006.

- Về tranh chấp khiếu nại đất đai: đến thời điểm xét nguồn gốc đất, không có đơn tranh chấp hoặc khiếu nại của cá nhân nào tại địa phương; phần diện tích đất công (đường giao thông theo tài liệu 02/CT-UB) do Nhà nước trực tiếp quản lý.

- Về tái định cư: hộ bà Nguyễn Thị Thu T bị giải tỏa toàn nhà, đất trong dự án và bà T không còn căn nhà nào khác trên địa bàn.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Thông báo số 339/TB-UBND về thu hồi đất để thực dự án xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân phường L ban hành Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 95/GXN-UBND như sau:

- Diện tích, kết cấu vật kiến trúc nhà, gác, mái che, sânximăng, tường rào là đúng.

- Phần vật kiến trúc nằm trong ranh dự án:

+ $2,8m^2$ tường rào (xây gạch, cửa sắt 01 cánh) và $11,5m^2$ ($7m^2 + 4,5m^2$) sânximăng xây dựng sau ngày 15/10/1993, trước ngày 01/7/2004 trên đất thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 59, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T.

+ $41,45m^2$ nhà (nền ceramic, tường xây gạch, trần nhựa, mái tôn), $78,72m^2$ nhà (nền ceramic, tường cột gạch, trần nhựa, mái tôn), $62,58m^2$ gác (sàn gỗ, tường cột xây, mái tôn), $10,22m^2$ mái che (nền xi măng, cột gỗ, mái tôn) xây dựng sau ngày 30/9/1995, trước ngày 01/7/2004 trên đất thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T.

+ 42,84m² nhà (nền ceramic, tường cột gạch, trần nhựa, mái tôn), 20,4m² gác (sàn gỗ, tường cột gạch, mái tôn) xây dựng sau ngày 01/7/2004 trước ngày 01/7/2006 trên đất thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T.

+ Mái che 59m² (nền xi măng, cột gỗ, mái tôn) xây dựng sau ngày 01/7/2004 trước ngày 01/7/2006, trong đó: 43,92m² (59m² - 15,08m²) trên đất thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T; 15,08m² thuộc một phần đường, tờ bản đồ số 59 và tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T.

+ 18,92m² mái che (nền xi măng, cột sắt, mái tôn) xây dựng sau ngày 01/7/2004, trước ngày 01/7/2006 trên đất thuộc một phần đường, tờ bản đồ số 60, theo tài liệu năm 2003, phường L, thành phố T.

Giấy xác nhận này bổ sung Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ đất số: 293/GXN-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân phường L.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân phường L ban hành Thông báo số 98/TB-UBND về việc niêm yết công khai Giấy xác nhận pháp lý nhà đất; Thông báo thu hồi đất; dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi trong dự án xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H), trên địa bàn phường L, thành phố T.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân phường L ban hành Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 135/GXN-UBND như sau:

“- Diện tích, kết cấu vật kiến trúc nhà, gác, mái che, sân xi măng, tường rào là đúng.

- Phần vật kiến trúc nằm trong ranh dự án:

+ 2,8m² tường rào (xây gạch, cửa sắt 01 cánh) và 11,5m² (7m² + 4,5m²) sân xi măng xây dựng sau ngày 30/9/1995, trước ngày 01/7/2004 trên đất thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 59 và một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T.

+ 41,44m² nhà (nền ceramic, tường xây gạch, trần nhựa, mái tôn), 78,72m² nhà (nền ceramic, tường cột gạch, trần nhựa, mái tôn), 62,58m² gác (sàn gỗ, tường cột xây, mái tôn), 10,22m² mái che (nền xi măng, cột gỗ, mái tôn) xây dựng sau ngày 30/9/1995, trước ngày 01/7/2004 trên đất thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T.

+ 42,84m² nhà (nền ceramic, tường cột gạch, trần nhựa, mái tôn), 20,4m² gác (sàn gỗ, tường cột gạch, mái tôn) xây dựng sau ngày 01/7/2006 trên đất thuộc

một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T.

+ Mái che 59,01m² (nền xi măng, cột gỗ, mái tôn) xây dựng sau ngày 01/7/2006, trong đó: 43,93m² (59,01m² - 15,08m²) trên đất thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T; 15,08m² thuộc đường, tờ bản đồ số 59 và tờ bản đồ số 60, theo Bản đồ địa chính năm 2003, phường L, thành phố T.

+ 18,92m² mái che (nền xi măng, cột sắt, mái tôn) xây dựng sau ngày 01/7/2006 trên đất thuộc đường, tờ bản đồ số 60, theo tài liệu năm 2003, phường L, thành phố T.

Giấy xác nhận này thay thế một phần nội dung Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ đất số 95/GXN-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân phường L.”.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 10771/QĐ-UBND về thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Thu T để thực hiện dự án đối với phần đất diện tích 276,3m², vị trí thuộc một phần thửa số 01 và đường, tờ Bản đồ số 59; một phần thửa số 05 và đường, tờ Bản đồ số 60 (theo Tài liệu năm 2003), phường L, thành phố T tương ứng một phần thửa số 6 và đường, tờ Bản đồ số 01 (theo Tài liệu 02/CT-UB), xã L. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 10916/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông (bà) Nguyễn Thị Thu T trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H) tại các phường T, L, thành phố T, trong đó:

Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 19/PABT-HĐBT-LB ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Bồi thường dự án đối với hộ bà Nguyễn Thị Thu T. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông (bà) Nguyễn Thị Thu T (địa chỉ thường trú: số D đường A, Tổ D, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số tiền 102.782.668 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng*). Hộ bà Nguyễn Thị Thu T không đủ điều kiện tái định cư.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Công văn số 7286/UBND-TT về thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị Thu T khiếu nại Quyết định số 10916/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T (Lý do: bà Nguyễn Thị Thu T có Đơn đề nghị rút khiếu nại trong quá trình giải quyết khiếu nại).

Trên cơ sở Quyết định số 10771/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Thu T,

ngày 17 tháng 12 năm 2023 Ủy ban nhân dân phường L, các đơn vị liên quan (Ban B mặt bằng thành phố T, Ban Q thành phố T) và bà Nguyễn Thị Thu T tiến hành lập Biên bản bàn giao mặt bằng phần diện tích nhà, đất của bà Nguyễn Thị Thu T nằm trong dự án.

2. Về áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-BXD ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ X công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các Chủ đầu tư sử dụng vốn ngân sách địa phương của Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ và giá bán nền tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H) Quận I (nay là thành phố T);

Căn cứ Công văn số 4796/UBND-ĐTMT ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về dự án đường H (đoạn từ B miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H), Quận I;

Căn cứ Quyết định số 3891/QĐ-SGTVT ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Thành phố H về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-SGTVT ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Thành phố H phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H);

Căn cứ Quyết định số 10693/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe M mới đến nút giao với xa Lộ H) tại các phường T, L, L, thành phố T (Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12/12/2022 do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án lập).

Căn cứ áp giá bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 276,3m²:

Bản đồ hiện trạng vị trí nhà, đất (Hợp đồng số 415/HĐ-ĐBĐ/2017 ngày 29/5/2017) do Trung tâm tư vấn và thẩm định trắc địa bản đồ lập ngày 07/6/2017 đã được Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ1 kiểm tra và ký xác nhận số 9049/CN.VPĐKĐĐ ngày 05/7/2017.

Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 293/UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019, Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 95/GXN-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022, Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 135/GXN-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân phường L như sau:

- *Phần diện tích đất 13,1m² thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 59 (theo tài liệu đo đạc năm 2003) do ông Nguyễn Văn T2 khai hoang sử dụng từ năm 1976, đến năm 1990 để lại cho con là Nguyễn Thị Thu T sử dụng cho đến nay.*

- *Phần diện tích 229,2m² thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60 (theo tài liệu đo đạc năm 2003) có nguồn gốc là đất đường giao thông do Nhà nước trực tiếp quản lý, bà Nguyễn Thị Thu T chiếm dụng sử dụng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004.*

- *Phần diện tích đường 4,3m² (tờ bản đồ số 59) và 29,7m² (tờ bản đồ số 60), bà T chiếm dụng sau ngày 01/7/2004.*

- *Về tranh chấp khiếu nại đất đai: đến thời điểm xét nguồn gốc đất, không có đơn tranh chấp hoặc khiếu nại của cá nhân nào tại địa phương; phần diện tích đất công (đường giao thông theo tài liệu 02/CT-UB) do Nhà nước trực tiếp quản lý.*

Tại điểm 19.7 khoản 19 Mục I Phần B của Phương án chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Bồi thường dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H) đã được Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt tại Quyết định số 10693/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H) tại các phường L, T và L, thành phố T, quy định: “19. Hỗ trợ đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất (Thực hiện theo Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND): ...

19.7. Xử lý đối với phần diện tích đất trong lộ giới, hành lang bảo vệ đê điều, sông rạch và các công trình công cộng:

a) Đối với phần diện tích nêu trên, nếu trước đây khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được nhà nước công nhận nhưng người sử dụng đất

vấn sử dụng phần diện tích đất này, thì khi Nhà nước thu hồi sẽ được tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

- Nếu theo quy định hiện hành mà diện tích đất đó được công nhận vào mục đích sử dụng nào thì sẽ được bồi thường, hỗ trợ theo mục đích sử dụng tương ứng”.

Tại khoản 4 Mục I Phần B của Chính sách bồi thường số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 quy định: “4. *Giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền:*

4.1. Đơn giá đất để tính bồi thường:

“Đối với đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) tiếp giáp mặt tiền các đường số 11, 13, 400 và đường H, vị trí 1: 7.622.000 đồng/m²”.

Do đó hộ bà Nguyễn Thị Thu T chỉ được bồi thường phần đất nông nghiệp diện tích 13,1m² thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 59 (theo tài liệu đo đạc năm 2003) với đơn giá 7.622.000 đồng/m²; phần diện tích 229,2m² thuộc một phần thửa số 05, tờ bản đồ số 60 (theo tài liệu đo đạc năm 2003) có nguồn gốc là đất đường giao thông do Nhà nước trực tiếp quản lý, bà Nguyễn Thị Thu T chiếm dụng sử dụng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004, phần diện tích đường 4,3m² (tờ bản đồ số 59) và 29,7m² (tờ bản đồ số 60), bà T chiếm dụng sau ngày 01/7/2004 không được bồi thường, hỗ trợ là đúng theo quy định.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Ủy ban nhân dân thành phố T giữ nguyên nội dung Quyết định số 10916/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông (bà) Nguyễn Thị Thu T trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với xa lộ H) tại các phường T, L, L, thành phố T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 288/2024/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về việc hủy một phần của Quyết định số 10916/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Nguyễn Thị Thu T trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với Xa lộ H) tại các phường T, L, L, Thành phố T. Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố T thực hiện bồi thường, hỗ trợ lại cho bà T theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 17/7/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

- Ngày 20/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên các quyết định Ủy ban nhân dân thành phố T đã ban hành. Vì theo hồ sơ bồi thường của Tổng công ty G thành lập từ năm 1978 (hiện nay là Tổng công ty Đ2) thể hiện căn cứ bản đồ đo đạc năm 1995 thì thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổng công ty Đ2 thì phần đất bà T đã là đất đường. Theo tài liệu kê khai 1999 thì bên hông nhà bà T là mặt trước công ty G1 là đường vào cổng công ty, do đó đã không bồi thường cho Tổng công ty Đ2 do đất đường giao thông. Năm 1999 bà T đăng ký nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nằm trong đường giao thông.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Bà T có nhà, đất bị giải tỏa, thuộc trường hợp bị giải tỏa trắng. Tại thời quy hoạch năm 2014 cần xem xét quá trình sử dụng đất của bà T có đủ điều kiện được bồi thường vì theo xác nhận UBND phường thì bà T quản lý sử dụng từ năm 1990 và sau năm 1993, thể hiện qua đăng ký điện, nước, đăng ký khai sinh cho con, cấp sổ nhà, đăng ký vào năm 2003 và từ 2007 đến nay có đóng thuế hàng năm loại đất thổ cư. Do đó, có đủ cơ sở chứng minh, bà T có quá trình sử dụng đất ổn định.

Ủy ban nhân dân thành phố T cho rằng năm 2013 có quy hoạch lộ giới con đường nhưng việc quy hoạch lộ giới là sau khi bà T quản lý, sử dụng đất, nên không thể cho rằng bà T lấn chiếm đường giao thông. Theo quy định pháp luật thì sử dụng đất trước quy hoạch thì vẫn được công nhận quyền sử dụng đất. Theo tài liệu 299 thể hiện phần đất bà T không có con đường mà con đường đã có từ lâu và gia đình bà T không có sử dụng con đường này. Mặc dù trong tài liệu 02 thể hiện phần đất của bà T có con đường nhưng tài liệu 299 là trọn thửa, nên không đủ cơ sở xác định bà T sử dụng đất đường giao thông. Lời trình bày của người làm chứng (công nhân 98) xác định bà T sử dụng nhà từ 1990. Do bà T bị giải tỏa trắng nhưng không được hỗ trợ tái định cư.

Căn cứ quy định luật đất đai, bà T đủ điều kiện bồi thường 100% đất ở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo UBND, chấp nhận kháng cáo bà T và buộc UBND chi trả số tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường.

Bà T trình bày ý kiến tranh luận: Bà được nhận thừa kế nhà, đất từ cha, mẹ là 264,3m² đất và 06 căn nhà cấp 4. Ủy ban nhân dân thành phố T chỉ bồi thường phần sân đi vào là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp cho gia đình bà. Gia đình tôi đã quản lý sử dụng ổn định đất từ năm 1990. Mặt khác, đa số những hộ xung quanh gia đình bà khi thu hồi đất đều được bồi thường đất nông nghiệp và đất ở. Gia đình bà chưa nhận tiền bồi thường nhưng Ủy ban nhân dân cho rằng gia đình bà đã nhận tiền bồi thường là gây ảnh hưởng đến quan hệ của các anh, chị, em bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ quy định pháp luật thì các phần đất mà bà T bị thu hồi được bồi thường, hỗ trợ như sau:

+ Phần diện tích 13,1m² có nguồn gốc do cha bà T cho bà T quản lý, sử dụng, đủ điều kiện bồi thường 100% đơn giá đất ở, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường đất nông nghiệp là không đúng quy định pháp luật. Vật kiến trúc hỗ trợ 80% giá trị xây dựng.

+ Đối với phần diện tích 229,2m² đất đường, bà T chiếm sử dụng từ sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004, đủ điều kiện bồi thường 30% giá đất ở. Vật kiến trúc được bồi thường 50% giá trị xây dựng.

+ Đối 34m² là đất đường, bà T sử dụng sau 01/7/2004, không bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu tái định cư: Bà T đủ điều kiện tái định cư, nhưng UBND không xem xét giải quyết là ảnh hưởng quyền lợi ích của bà T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện làm trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 12/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 10916/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 19/PABT-HĐBT-LB ngày 12/12/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Nguyễn Thị Thu T để thực hiện dự án Dự án đầu tư xây dựng đường H là đúng quy định về thủ tục, thẩm quyền theo quy định Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Theo Bản đồ hiện trạng vị trí nhà, đất (Hợp đồng số 415/HĐ-ĐBĐ/2017 ngày 29/5/2017) do Trung tâm tư vấn và thẩm định trắc địa bản đồ lập ngày 07/6/2017 đã được Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ1 kiểm tra và ký xác nhận số 9049/CN.VPĐKĐĐ ngày 05/7/2017; Quyết định số 10771/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố T về thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Thu T và Biên bản kiểm điểm số lượng số 019/BBKĐ ngày 28/02/2017 thì phần đất của bà Nguyễn Thị Thu T bị thu hồi có diện tích đất bị giải tỏa là 276,3m², chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc đất: Theo tài liệu 02/CT thuộc thửa 6, thửa 6-1 là 13,7m², đường d1 là 34m², d2 là 228,6m²; Theo tài liệu 2003 thuộc thửa số 1, tờ 59 là 13,1m², đường d1 4,3m², thửa số 5, tờ 60 là 229,2m², đường d2 là 29,7m². Tại Sổ mục kê ruộng đất theo Tài liệu 299/Tgg thuộc một phần thửa 413 do Ủy ban nhân dân xã đăng ký và thuộc một phần thửa số 6 theo Tài liệu 02/CT do ông Nguyễn T3 đăng ký; Sổ mục kê Bản đồ địa chính năm 2003 do bà T đăng ký tại thửa số 5, tờ bản đồ số 60 với diện tích 330,7m². Tại các Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L về nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà và đất của bà T gồm: Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 293/UBND ngày 27/3/2019; Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 95/GXN-UBND ngày 02/11/2022, Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 135/GXN-UBND ngày 24/11/2022.

Theo tài liệu chứng cứ nêu trên thì nguồn gốc phần đất diện tích 276,3m² nằm trọn trên đường số A, trong đó có một phần diện tích đất năm 1990 bà T được ông Nguyễn Văn T2 cho, nguồn gốc đất do ông T2 khai hoang và sử dụng từ năm 1976; một phần diện tích đất mà bà T lấn, chiếm đất và xây dựng nhà trên đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004; một phần diện tích đất mà bà T

lần, chiếm đất và xây dựng nhà trên đất từ sau ngày 01/7/2004 và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Ngày 12/12/2022, Hội đồng Bồi thường của dự án lập Phương án số 19/PABT-HĐBT-LB ngày 12/12/2022 về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án và được Ủy ban nhân dân Thành phố T phê duyệt tại Quyết định số 10916/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Nguyễn Thị Thu T.

Căn cứ điểm 19.7 khoản 19, Khoản 4,7 Mục I; Khoản 3,5 Mục II Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T phê duyệt tại Quyết định số 10693/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 đã xác định tổng diện tích trong ranh giải tỏa là 276,3m², trong đó: phần diện tích đất 13,10m² được bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp, vị trí 1 Đường số 13 theo đơn giá 7.622.000 đồng/m², phần diện tích 229,20m² không bồi thường, hỗ trợ, phần diện tích 34m² không bồi thường, hỗ trợ; Nhà, vật kiến trúc: diện tích 2,80m² là 2.073.194 đồng, diện tích 11,50m²: 861.274 đồng. Tổng trị giá 102.782.668 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện đường số 13 trước đây là đường mòn, không có tên đường, chỉ sử dụng cho sự đi lại của người dân sinh sống lân cận và phục vụ cho hoạt động của Tổng Công ty Đ2, sau này con đường có tên là đường số A. Theo tài liệu Sổ mục kê Bản đồ địa chính năm 2003 do bà T có đăng ký sử dụng đất và phía bà T đã cung cấp được tài liệu chứng cứ là các giấy tờ về đăng ký hộ khẩu thường trú, nhà ở gắn với đất bị thu hồi; Giấy chứng minh nhân dân, Giấy khai sinh con, giấy tờ nộp tiền điện, nước có ghi địa chỉ nhà ở tại thửa đất đăng ký theo điểm e khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thu T và các tài liệu chứng cứ nêu trên, thì bà T phải được bồi thường, hỗ trợ như sau:

[2.3.1] Đối với phần diện tích 13,1m²:

Theo Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 293/UBND ngày 27/3/2019 thì phần diện tích này có nguồn gốc là do ông T2 khai hoang từ năm 1976, đến năm 1990 cho lại bà trang sử dụng. Căn cứ quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đoạn 1 điểm a khoản 19.1 Điều 19 Mục I Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T thì bà T đủ điều kiện để được bồi thường 100% đơn giá đất ở. Phần phần vật kiến trúc đủ điều kiện bồi thường theo đoạn 1 điểm b khoản 5.2 Điều 5 Mục II Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T là hỗ trợ 80% giá trị xây dựng theo quy định tại điểm 4.1, 4.4 khoản 4 Mục này.

[2.3.2] Đối với phần diện tích 229,2m²:

Theo Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 293/UBND ngày 27/3/2019 thì phần diện tích này có nguồn gốc là đất đường do Nhà nước quản lý, bà T chiếm dụng, xây nhà ở sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Căn cứ đoạn 2 điểm a khoản 19.2 Điều 19 Mục I Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T, bà T đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất bằng 30% đơn giá đất ở. Phần phần vật kiến trúc đủ điều kiện bồi thường theo đoạn 2 điểm b khoản 5.2 Điều 5 Mục II Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T là hỗ trợ bằng 50% giá trị xây dựng theo quy định tại điểm 4.1, 4.4 khoản 4 Mục này.

[2.3.3] Đối với phần diện tích 34m² (gồm diện tích 4,3m² và diện tích 29,7m²), là đất đường bà T chiếm dụng sau ngày 01/7/2004. Căn cứ điểm c khoản 19.2 Điều 19 Mục I Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T quy định các trường hợp lấn chiếm đất từ ngày 01/7/2004 trở về sau không tính bồi thường, hỗ trợ về đất. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố T không bồi thường, hỗ trợ cho bà T là đúng quy định pháp luật. Đối với phần phần vật kiến trúc cũng không được bồi thường, không được hỗ trợ, người có công trình xây dựng trái phép phải tự tháo dỡ hoặc phải chịu chi phí khi cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện việc phá dỡ theo quy định tại điểm c khoản 5.2 Điều 5 Mục II Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T.

[2.3.4] Đối với yêu cầu tái định cư: Căn cứ quy định tại khoản 1.2 Điều 1 Mục VI Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T và khoản 1.2 Điều 1 Mục VI Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 21/12/2022 của Hội đồng bồi thường dự án thành phố T thì bà T có đủ điều kiện để được bố trí bằng đất nền.

[2.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân Thành phố T chưa thực hiện đúng quy định về bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà T. Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện xác nhận và không cung cấp được tài liệu chứng cứ về đường số A cụ thể như quyết định thành lập đường, công bố chỉ giới xây dựng đường giao thông cũng như các tài liệu về quy hoạch đường. Mặc dù, theo Tài liệu 299/Tgg thì nguồn gốc đất bà T đang sử dụng thuộc một phần thửa 413 do Ủy ban nhân dân xã đăng ký, nhưng người bị kiện không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh quá trình Nhà nước quản lý phần đất này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy các quyết định liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của bà T là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự:

Theo nội dung nhận định nêu trên thì yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với các tài liệu, chứng cứ do người bị kiện cung cấp tại cấp phúc thẩm thì những tài liệu, chứng cứ này không đủ cơ sở chứng minh toàn bộ phần đất bà T bị thu hồi là do lấn chiếm đường giao thông nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 288/2024/HC-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T:

Hủy một phần của Quyết định số 10916/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Nguyễn Thị Thu T trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với Xa lộ H) tại các phường T, L, L, Thành phố T.

Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố T thực hiện bồi thường, hỗ trợ lại cho bà T theo đúng quy định pháp luật.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0041073 ngày 14/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0041399 ngày 01/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Tuấn

Dương Anh Văn

Nguyễn Đắc Minh